NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 112/2003/QĐ-NHNN ngày 11/02/2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 283/2000/QĐ-NHNN14 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật Các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90/1998/NĐ-CP ngày 7/11/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo lãnh ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 283/2000/QĐ-NHNN14 ngày 25/8/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Điều 4 được sửa đổi như sau:

"Điều 4. Khách hàng được tổ chức tín dụng bảo lãnh

1. Khách hàng được tổ chức tín dụng bảo lãnh là các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài. Tổ chức tín dụng không được bảo lãnh đối với những người sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) của tổ chức tín dụng;

b) Cán bộ, nhân viên của chính tổ chức tín dụng đó thực hiện nhiệm vụ thẩm định, quyết định bảo lãnh;

c) Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc).

d) Việc áp dụng quy định tại điểm c khoản này đối với người được bảo lãnh là bố, mẹ, vợ, chồng, con của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng do tổ chức tín dụng xem xét, quyết định.

2. Việc hạn chế bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với các khách hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật Các tổ chức tín dụng."

2. Điều 8 được sửa đổi như sau:

"Điều 8. Điều kiện bảo lãnh

Tổ chức tín dụng xem xét và quyết định bảo lãnh khi khách hàng có đủ các điều kiện sau:

1. Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

2. Mục đích đề nghị tổ chức tín dụng bảo lãnh là hợp pháp;

3. Có bảo đảm hợp pháp cho nghĩa vụ được bảo lãnh theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

4. Có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh trong thời hạn cam kết;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5. Trường hợp bảo lãnh có liên quan đến yếu tố nước ngoài (bên nhận bảo lãnh hoặc bên được bảo lãnh là tổ chức, cá nhân nước ngoài), ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, khách hàng còn phải thực hiện các quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài, cho vay và thu hồi nợ nước ngoài, quy định về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

6. Đối với trường hợp bảo lãnh hối phiếu, lệnh phiếu, khách hàng phải bảo đảm các điều kiện theo quy định của pháp luật về thương phiếu."

3. Điều 14 được sửa đổi như sau:

"***Điều 14.*** Đồng bảo lãnh

1. Việc đề xuất, phối hợp và quy trình tổ chức thực hiện đồng bảo lãnh được thực hiện theo quy định về đồng tài trợ của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng bảo lãnh cùng chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà tổ chức tín dụng đầu mối đã phát hành cho bên nhận bảo lãnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh, tổ chức tín dụng đầu mối phát hành bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho khách hàng. Các tổ chức tín dụng tham gia đồng bảo lãnh có trách nhiệm hoàn lại cho tổ chức tín dụng đầu mối số tiền tương ứng theo tỷ lệ tham gia đồng bảo lãnh mà các bên đã thỏa thuận."

4. Điều 21 được sửa đổi như sau:

"***Điều 21.*** Bảo đảm cho bảo lãnh

Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh. Các hình thức bảo đảm cho bảo lãnh bao gồm: ký quỹ, cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba và các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của pháp luật."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

LÊ ĐỨC THÚY

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09640487

QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 131/2003/QĐ-NHNN ngày 17/02/2003 về điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng là ngân hàng.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức